HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 13 /NQ-HĐND	*Bình Phước, ngày 13 tháng 7 năm 2020*

NGHỊ QUYẾT
Thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ MƯỜI HAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quy định một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định 1706/QĐ-TTG ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về thông qua kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020;

Xét Tờ trình số 66/TTr-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 29/BC-HĐND-KTNS ngày 22 tháng 6 năm 2020 của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2020 như sau:

Tổng kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2020 là 4.764 tỷ 667 triệu đồng, tăng 289 tỷ 500 triệu đồng so với kế hoạch vốn theo Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước, bao gồm:

I. Vốn ngân sách Trung ương (nguồn dự phòng) tăng so với kế hoạch đầu năm là: 55 tỷ đồng.

II. Vốn ngân sách địa phương tăng so với kế hoạch đầu năm là: 234 tỷ 500 triệu đồng.

Trong đó:

1. Tiền sử dụng đất tăng: 93 tỷ 500 triệu đồng.

Chia ra:

- Tiền sử dụng đất khối tỉnh giao đầu năm 2020 giảm: 59 tỷ đồng.
- Tiền sử dụng đất khối huyện, thị xã, thành phố giảm: 11 tỷ đồng.
- Ghi thu-ghi chi tiền sử dụng đất tăng: 163 tỷ 500 triệu đồng.

2. Nguồn thu xổ số kiến thiết tăng: 141 tỷ đồng.

III. Phương án bố trí kế hoạch vốn điều chỉnh: 4.764 tỷ 667 triệu đồng.

1. Vốn ngân sách trung ương: 679 tỷ 717 triệu đồng.

Chia ra:

- Vốn trong nước: 636 tỷ 017 triệu đồng.
- Vốn nước ngoài: 43 tỷ 700 triệu đồng.

2. Vốn ngân sách địa phương: 4.084 tỷ 950 triệu đồng.

(Kèm theo biểu tổng hợp, biểu số 1, phụ lục 1.1, 1.2, 1.3, biểu số 2, 3, phụ lục 3.1, 3.2, 3.3, 3.4, 3.5)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa IX, kỳ họp thứ mười hai thông qua ngày 09 tháng 7 năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước thông qua kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020./.

Nơi nhận:
- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ TC, Bộ KH và ĐT;
- TTTU, TT.HĐND, UBND, BTT UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, Phòng TH;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Huỳnh Thị Hằng

BIỂU SỐ 1

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU NĂM 2020

NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2020		Kế hoạch điều chỉnh năm 2020		Tăng	Chủ đầu tư
		Tổng số	*Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW*	Tổng số	*Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW*		
	TỔNG CỘNG	**581.017**	**20.830**	**636.017**	**20.830**	**55.000**	
A	**Chương trình mục tiêu quốc gia**	**198.986**	**-**	**198.986**	**-**	**-**	
I	**Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững**	**18.756**		**18.756**			Chi tiết PL 1.1
II	**Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới**	**180.230**		**180.230**			Chi tiết PL 1.2
B	**Hỗ trợ đồng bào dân tộc miền núi theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg**	**67.931**		**67.931**			Chi tiết PL 1.3
C	**Các chương trình mục tiêu**	**269.100**	**20.830**	**269.100**	**20.830**	**-**	
I	**Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội các vùng**	**168.000**	**-**	**168.000**	**-**	**-**	
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2019	***168.000***	**-**	***168.000***	**-**	**-**	
1	Đường từ ngã 3 Vườn Chuối (Quốc lộ 14) đến khu vực trảng cỏ Bù Lạch (thuộc tour du lịch nối với Khu bảo tồn văn hóa dân tộc S'tiêng Sok Bom Bo) xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng	15.000		15.000			Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
2	Nâng cấp đường ĐT 755 đoạn từ thị trấn Đức Phong đi Lam Sơn huyện Bù Đăng	20.000		20.000			Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
3	Đường trục chính khu trung tâm hành chính huyện Phú Riềng	31.000		31.000			UBND huyện Phú Riềng
4	Trụ sở huyện ủy, trụ sở HĐND-UBND, hội trường và trụ sở khối đoàn thể huyện Phú Riềng	33.000		33.000			UBND huyện Phú Riềng
5	Kho lưu trữ chuyên dùng tỉnh Bình Phước	17.000		17.000			Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
6	Các tuyến đường nối QL 14 với khu dân cư Ấp 1 xã Tiến Thành, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước	30.000		30.000			Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
7	Nâng cấp, mở rộng đường Phan Chu Trinh kết nối với QL 13 huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	22.000		22.000			UBND huyện Lộc Ninh
II	**Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư**	**5.440**	**-**	**5.440**	**-**	**-**	
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2019	***5.440***	**-**	***5.440***	**-**	**-**	
1	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, phát triển sản xuất nông nghiệp huyện Lộc Ninh	5.440		5.440			Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
III	**Chương trình mục tiêu cấp điện nông thôn miền núi và hải đảo**	**20.000**	**-**	**20.000**	**-**	**-**	
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2020	**20.000**	**-**	**20.000**	**-**	**-**	
1	Cấp điện nông thôn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2013-2020	20.000		20.000			Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
IV	**Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao**	**10.000**	**-**	**10.000**	**-**	**-**	
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2020	***10.000***	**-**	***10.000***	**-**	**-**	
1	Xây dựng hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư	10.000		10.000			Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
V	**Chương trình mục tiêu Giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn**	**16.830**	**-**	**16.830**	**-**	**-**	
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2019	***16.830***	**-**	***16.830***	**-**	**-**	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2020		Kế hoạch điều chỉnh năm 2020		Tăng	Chủ đầu tư
		Tổng số	*Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW*	Tổng số	*Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW*		
1	Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS Bù Đốp	16.830		16.830			Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
VI	**Chương trình mục tiêu quốc phòng an ninh trên địa bàn trọng điểm**	**10.000**	-	**10.000**	-	-	
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2020	***10.000***	-	***10.000***	-	-	
1	Đường nhựa vào các Đồn biên phòng Thanh Hòa, Đắk Ơ, Bù Gia Mập và cụm dân cư Bù Gia Mập	10.000		10.000			Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng
VII	**Chương trình mục tiêu phát triển hệ thống trợ giúp xã hội**	**18.000**	-	**18.000**	-	-	
1	Dự án cải tạo, nâng cấp cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh	18.000		18.000			Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
VIII	**Thu hồi các khoản vốn ứng trước**	**20.830**	**20.830**	**20.830**	**20.830**	-	
1	Đường liên xã Ngã 3 Cây Điệp đến sông Mã Đà (ĐT 753) phục vụ cứu hộ cứu nạn các xã phía đông huyện Đồng Phú (đoạn từ ngã 3 Cây điệp đến cầu Cứ)	3.830	3.830	3.830	3.830		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
2	Dự án bảo vệ và phát triển rừng Vườn Quốc gia Bù Gia Mập	7.000	7.000	7.000	7.000		Vườn Quốc gia Bù Gia Mập
3	Dự án hỗ trợ di dân thực hiện ĐCĐC cho đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn thôn 8, xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng	4.000	4.000	4.000	4.000		UBND huyện Bù Đăng
4	Tiểu dự án TĐC khu Đa Bông Cua,thuộc DA đầu tư bố trí hợp lý dân cư ở VQG Cát Tiên	6.000	6.000	6.000	6.000		Sở NN&PTNT
D	**Dự án sử dụng dự phòng chung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020**	**40.000**	-	**40.000**	-	-	
1	Nâng cấp, mở rộng QL 13 đoạn từ ngã ba Lộc Tấn đến cửa khẩu Hoa Lư	40.000		40.000			Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
E	**Dự án sử dụng nguồn 10.000 tỷ đồng điều chỉnh giảm nguồn vốn dự kiến bố trí cho các dự án quan trọng quốc gia**	**5.000**	-	**22.000**	-	**17.000**	
1	Hỗ trợ di dân thực hiện ĐCĐC cho đồng bào DTTS xã Đắk Ơ (hạng mục đường từ thôn cây Da, xã Phú Văn đến thôn Đắk Á,xã Bù Gia Mập)	5.000		22.000		17.000	UBND huyện Bù Gia Mập
F	**Dự án sử dụng nguồn dự phòng NSTW năm 2019 thực hiện các dự án cấp bách**	-	-	**38.000**	-	**38.000**	
1	Xử lý cấp bách dự án thoát lũ suối Đá, thành phố Đồng Xoài			30.000		30.000	UBND thành phố Đồng Xoài
2	Đầu tư Di dời, ổn định dân cư các xã Lộc An - Lộc Thành, huyện Lộc Ninh và xã Tân Tiến, huyện Bù Đốp			8.000		8.000	UBND huyện Lộc Ninh

Phụ lục 1.1

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH 135 NĂM 2020

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Kế hoạch năm 2020	Kế hoạch điều chỉnh năm 2020	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	**18.756**	**18.756**	
I	**Huyện Bù Đốp**	**3.400**	**3.400**	
1	**Xã ĐBKK**	**2.200**	**2.200**	
1.1	Xã Hưng Phước (xã khu vực III, xã ĐBKK)	1.100	1.100	
1.2	Xã Phước Thiện (xã khu vực III, xã ĐBKK)	1.100	1.100	
2	**Thôn, ấp ĐBKK**	**1.200**	**1.200**	
2.1	Xã Thanh Hòa (xã khu vực II, có 04 ấp ĐBKK: ấp 2, ấp 4, ấp 5, ấp 8)	960	960	
2.2	Xã Tân Tiến (xã khu vực II, có 01 thôn ĐBKK: thôn Sóc Nê)	240	240	
II	**Huyện Đồng Phú**	**720**	**720**	
1	**Thôn, ấp ĐBKK**	**720**	**720**	
1.1	Xã Đồng Tâm (Xã khu vực II, có 03 ấp ĐBKK: ấp 1, ấp 2, ấp 3)	720	720	
III	**Huyện Hớn Quản**	**1.440**	**1.440**	
1	**Thôn, ấp ĐBKK**	**1.440**	**1.440**	
1.1	Xã Thanh An (xã khu vực II, có 03 ấp ĐBKK: ấp Xa Cô, ấp Bù Dinh, ấp Phùm Lu)	720	720	
1.2	Xã Phước An (xã khu vực II, có 02 ấp ĐBKK: ấp Tổng Cui Lớn, ấp Tổng Cui Nhỏ)	480	480	
1.3	Xã Tân Hưng (xã khu vực II, có 01 ấp ĐBKK: ấp Sóc Quả)	240	240	
IV	**Huyện Phú Riềng**	**1.200**	**1.200**	
1	**Thôn, ấp ĐBKK**	**1.200**	**1.200**	
1.1	Xã Long Tân (xã khu vực II, 01 thôn ĐBKK: thôn 6)	240	240	
1.2	Xã Long Hà (xã khu vực II, có 03 thôn ĐBKK: thôn Bù Ka 1; Phu Mang 1; Phu Mang 2)	720	720	
1.3	Xã Phú Trung (xã khu vực II, có 01 thôn ĐBKK: thôn Phú Tiến)	240	240	
V	**Huyện Lộc Ninh**	**4.956**	**4.956**	
1	**Xã ĐBKK**	**3.300**	**3.300**	
1.1	Xã Lộc Phú (xã khu vực III, xã ĐBKK)	1.100	1.100	
1.2	Xã Lộc Thành (xã biên giới)	1.100	1.100	
1.3	Xã Lộc Quang (xã khu vực III, xã ĐBKK)	1.100	1.100	
2	**Thôn, ấp ĐBKK**	**1.656**	**1.656**	

STT	Đơn vị	Kế hoạch năm 2020	Kế hoạch điều chỉnh năm 2020	Ghi chú
2.1	Xã Lộc Hòa (xã khu vực II, có 01 ấp ĐBKK: ấp Suối Thôn)	240	240	
2.2	Xã Lộc Khánh (xã khu vực II, có 03 ấp ĐBKK: ấp Ba Ven, Chà Đôn, Sóc Lớn)	936	936	
2.3	Xã Lộc Thịnh (xã khu vực II, có 02 ấp ĐBKK: ấp Chà Là, ấp Tà Thiết)	480	480	
VI	**Huyện Bù Đăng**	**2.300**	**2.300**	
1	**Xã ĐBKK**	**1.100**	**1.100**	
1.1	Xã Đường 10 (xã khu vực III, xã ĐBKK)	1.100	1.100	
2	**Thôn, ấp ĐBKK**	**1.200**	**1.200**	
2.1	Xã Thống Nhất (xã khu vực II, có 01 thôn ĐBKK: thôn 10)	240	240	
2.2	Xã Đăng Hà (xã khu vực II, có 01 thôn ĐBKK: thôn 5)	240	240	
2.3	Xã Đăk Nhau (xã khu vực II, có 03 thôn ĐBKK: thôn Đak La, Đak Nung, Đăng Lang)	720	720	
VII	**Huyện Bù Gia Mập**	**4.740**	**4.740**	
1	**Xã ĐBKK**	**3.300**	**3.300**	
1.1	Xã Đak Ơ (xã khu vực III, xã ĐBKK)	1.100	1.100	
1.2	Xã Phú Văn (xã khu vực III, xã ĐBKK)	1.100	1.100	
1.3	Xã Bù Gia Mập (xã khu vực III, xã ĐBKK)	1.100	1.100	
2	**Thôn, ấp ĐBKK**	**1.440**	**1.440**	
2.1	Xã Phước Minh (xã khu vực II, có 03 thôn ĐBKK: thôn Bù Tam, Bình Giai, Bình Tiến 1)	720	720	
2.2	Xã Bình Thắng (xã khu vực II, có 03 thôn ĐBKK: thôn 6B, thôn 8, thôn 9)	720	720	

***Ghi chú:** Giao UBND các huyện giao kế hoạch vốn chi tiết đến từng chủ đầu tư.

Phụ lục 1.2

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XD NTM NGUỒN NSTW NĂM 2020

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Kế hoạch năm 2020	Kế hoạch điều chỉnh năm 2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	**180.230**	**180.230**		
I	**Huyện Lộc Ninh**	**39.600**	**39.600**		
1	Xã Lộc Thiện	9.000	9.000		Về đích 2020
2	Xã Lộc An	9.000	9.000		Về đích 2020
3	Xã Lộc Thành	9.600	9.600		Xã ĐBKK và Xã theo Đề án 1385/QĐ-TTg
4	Xã Lộc Quang	6.000	6.000		Xã ĐBKK
5	Xã Lộc Phú	6.000	6.000		Xã ĐBKK
II	**Huyện Đồng Phú**	**18.000**	**18.000**		
1	Xã Đồng Tâm	9.000	9.000		Về đích 2020
2	Xã Thuận Lợi	9.000	9.000		Về đích 2020
III	**Huyện Chơn Thành**	**18.000**	**18.000**		
1	Xã Quang Minh	9.000	9.000		Về đích 2020
2	Xã Nha Bích	9.000	9.000		Về đích 2020
IV	**Huyện Hớn Quản**	**18.000**	**18.000**		
1	Xã Phước An	9.000	9.000		Về đích 2020
2	Xã Tân Quan	9.000	9.000		Về đích 2020
V	**Huyện Bù Đăng**	**24.000**	**24.000**		
1	Xã Bình Minh	9.000	9.000		Về đích 2020
2	Xã Nghĩa Trung	9.000	9.000		Về đích 2020
3	Xã Đường 10	6.000	6.000		Xã ĐBKK
VI	**Huyện Bù Đốp**	**24.330**	**24.330**		
1	Xã Thanh Hòa	8.730	8.730		Về đích 2020
2	Xã Hưng Phước	6.000	6.000		Xã ĐBKK

STT	Đơn vị	Kế hoạch năm 2020	Kế hoạch điều chỉnh năm 2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
3	Xã Phước Thiện	9.600	9.600		Xã ĐBKK và Xã theo Đề án 1385/QĐ-TTg
VII	**Huyện Phú Riềng**	**8.700**	**8.700**		
1	Xã Bình Tân	8.700	8.700		Về đích 2020
VIII	**Huyện Bù Gia Mập**	**21.600**	**21.600**		
1	Xã Đăk Ơ	9.600	9.600		Xã ĐBKK và Xã theo Đề án 1385/QĐ-TTg
3	Xã Bù Gia Mập	6.000	6.000		Xã ĐBKK
4	Xã Phú Văn	6.000	6.000		Xã ĐBKK
IX	**Hỗ trợ Đề án về mô hình bảo vệ môi trường**	**4.000**	**4.000**	UBND huyện Lộc Ninh	HĐND đã có Nghị quyết tại kỳ họp giữa năm 2019
X	**Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã**	**4.000**	**4.000**	Liên minh HTX	HĐND đã có Nghị quyết tại kỳ họp giữa năm 2019

***Ghi chú**: Giao UBND các huyện giao kế hoạch vốn chi tiết cho các dự án đến từng chủ đầu tư theo quy định.

Phụ lục 1.3

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN HỖ TRỢ ĐỒNG BÀO DÂN TỘC MIỀN NÚI THEO QUYẾT ĐỊNH 2085/QĐ-TTg

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Kế hoạch ăm 2020	Kế hoạch điều chỉnh năm 2020	Ghi chú
	Tổng số	**67.931**	**67.931**	
I	**Huyện Lộc Ninh**	**65.773**	**65.773**	
1	Xây dựng đường giao thông ấp Tà Tê - xã Lộc Thành	36.000	36.000	UBND huyện giao chi tiết kế hoạch vốn cho dự án đến chủ đầu tư khi dự án được phê duyệt
2	Xây dựng đường giao thông xã Lộc Hòa	29.772,5	29.772,5	
II	**Huyện Bù Gia Mập**	**1.270**	**1.270**	UBND huyện thực hiện theo Quyết định 731/QĐ-UBND ngày 12/4/2019 của UBND tỉnh
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề cho 161 hộ	805	805	
2	Hỗ trợ nước sinh hoạt cho 310 hộ	465	465	
III	**Huyện Bù Đốp**	**888,5**	**888,5**	
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề cho 437 hộ	530	530	
2	Hỗ trợ nước sinh hoạt cho 477 hộ	358,5	358,5	

Biểu số 2

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN NƯỚC NGOÀI NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2020

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2020				Kế hoạch điều chỉnh năm 2020				Chủ đầu tư
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:* Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:* Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)			
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại			Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại	
	TỔNG SỐ	**43.700**	**43.700**	**20.000**	**23.700**	**43.700**	**43.700**	**20.000**	**23.700**	
I	**Dự án đã ký hiệp định vay với nhà tài trợ đề nghị bổ sung vốn vào kế hoạch trung hạn và vốn năm 2020**	***43.700***	***43.700***	***20.000***	***23.700***	***43.700***	***43.700***	***20.000***	***23.700***	
1	Dự án Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Bình Phước	*23.700*	*23.700*		*23.700*	*23.700*	*23.700*		*23.700*	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
2	Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Bình Phước giai đoạn 2018-2020, vốn ODA do EU tài trợ.	20.000	20.000	20.000		20.000	20.000	20.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh

BIỂU SỐ 3

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2020

NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2020				Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2020				Chủ đầu tư	Ghi chú
		Tổng cộng	Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT	Tổng cộng	Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT		
	TỔNG CỘNG	**3.850.450**	**546.450**	**2.667.000**	**637.000**	**4.084.950**	**546.450**	**2.760.500**	**778.000**		
A	**Trả nợ vay tín dụng ưu đãi 2011-2015**	**31.000**	**31.000**			**31.000**	**31.000**				
B	**Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố**	**1.526.000**	**258.000**	**1.268.000**		**1.535.000**	**258.000**	**1.257.000**	**20.000**		
I	**Thành phố Đồng Xoài**	**145.200**	**25.200**	**120.000**		**135.200**	**25.200**	**110.000**			
	Trong đó:	-				-					
	Thành phố đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	*36.000*		*36.000*		*33.000*		*33.000*			
II	**Thị xã Bình Long**	**106.800**	**22.800**	**84.000**		**100.800**	**22.800**	**78.000**			
	Trong đó:	-				-					
	Thị xã đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	*25.200*		*25.200*		*23.400*		*23.400*			
III	**Thị xã Phước Long**	**175.500**	**20.500**	**155.000**		**175.500**	**20.500**	**155.000**			
	Trong đó:	-				-					
	Thị xã đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	*46.500*		*46.500*		*46.500*		*46.500*			
IV	**Huyện Đồng Phú**	**183.900**	**23.900**	**160.000**		**183.900**	**23.900**	**160.000**			
	Trong đó:	-				-					
	Huyện đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	*48.000*		*48.000*		*48.000*		*48.000*			
	Tỉnh hỗ trợ xây dựng hạ tầng giao thông trung tâm huyện	*100.000*		*100.000*		*100.000*		*100.000*			
V	**Huyện Bù Đăng**	**93.940**	**26.940**	**67.000**		**93.940**	**26.940**	**67.000**			
	Trong đó:	-				-					
	Huyện đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	*20.100*		*20.100*		*20.100*		*20.100*			
VI	**Huyện Bù Gia Mập**	**53.420**	**23.420**	**30.000**		**53.420**	**23.420**	**30.000**			
	Trong đó:	-				-					
	Huyện đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	*9.000*		*9.000*		*9.000*		*9.000*			
VII	**Huyện Chơn Thành**	**366.000**	**23.000**	**343.000**		**386.000**	**23.000**	**343.000**	**20.000**		
	Trong đó:	-				-					
	Huyện đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	*102.900*		*102.900*		*102.900*		*102.900*			
	Tỉnh hỗ trợ xây dựng hạ tầng giao thông để đưa huyện lên thị xã	*100.000*		*100.000*		*100.000*		*100.000*			

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2020				Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2020				Chủ đầu tư	Ghi chú
		Tổng cộng	Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT	Tổng cộng	Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT		
	Hỗ trợ xây dựng tuyến đường ĐT.756B (đoạn Nha Bích - Tân Quan, huyện Chơn Thành)					*20.000*			*20.000*		
VIII	**Huyện Hớn Quản**	**66.000**	**23.000**	**43.000**		**71.000**	**23.000**	**48.000**			
	Trong đó:	-				-		-			
	Huyện đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	12.900		12.900		14.400		14.400			
IX	**Huyện Lộc Ninh**	**87.800**	**25.800**	**62.000**		**87.800**	**25.800**	**62.000**			
	Trong đó:	-				-					
	Huyện đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	*18.600*		*18.600*		*18.600*		*18.600*			
X	**Huyện Bù Đốp**	**99.230**	**21.230**	**78.000**		**99.230**	**21.230**	**78.000**			
	Trong đó:	-				-					
	Huyện đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	*23.400*		*23.400*		*23.400*		*23.400*			
XI	**Huyện Phú Riềng**	**148.210**	**22.210**	**126.000**		**148.210**	**22.210**	**126.000**			
	Trong đó:	-				-					
	Huyện đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	*37.800*		*37.800*		*37.800*		*37.800*			
C	**Chương trình giảm 1.000 hộ đồng bào DTTS nghèo**	75.200		75.200		75.200		75.200		Chi tiết tại PL 3.1	
D	**Chương trình đầu tư phát triển kinh tế xã hội tuyến biên giới Việt Nam -Campuchia (theo QĐ 160/2007/QĐ-TTg, ngày 17/10/2007)**	**7.500**	**7.500**			**7.500**	**7.500**				
1	Huyện Bù Gia Mập	1.000	1.000			1.000	1.000				
2	Huyện Bù Đốp	3.000	3.000			3.000	3.000				
3	Huyện Lộc Ninh	3.500	3.500			3.500	3.500				
E	**Vốn thực hiện dự án**	**1.585.000**	**223.200**	**724.800**	**637.000**	**1.732.400**	**226.400**	**782.100**	**723.900**		
	Dự án chuyển tiếp sang năm 2020	**738.400**	**104.000**	**278.700**	**355.700**	**860.200**	**104.000**	**400.500**	**355.700**		
I	**Nông nghiệp-nông thôn**	**411.800**	**-**	**141.800**	**270.000**	**391.100**	**-**	**121.100**	**270.000**		
1	Hạ tầng các xã nông thôn mới và trả nợ mua xi măng ứng trước	270.000			270.000	270.000			270.000		
1.1	Hỗ trợ các xã nông thôn mới	150.000			150.000	150.000			150.000		
1.2	Trả nợ mua xi măng ứng trước năm 2019	120.000			120.000	120.000			120.000		
2	Hỗ trợ xây dựng 1.000 km đường giao thông nông thôn năm 2020	141.800		141.800		121.100		121.100			
2.1	Huyện Đồng Phú (80 km)	35.850		35.850		21.560		21.560			
2.2	Huyện Bù Đăng (120 km)	13.900		13.900		22.170		22.170			
2.3	Huyện Bù Gia Mập (20 km)	24.400		24.400		6.155		6.155			
2.4	Huyện Hớn Quản (90 km)	22.300		22.300		27.023		27.023			
2.5	Huyện Lộc Ninh (100 km)	12.380		12.380		16.950		16.950			

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2020				Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2020				Chủ đầu tư	Ghi chú
		Tổng cộng	Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT	Tổng cộng	Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT		
2.6	Huyện Bù Đốp (45 km)	10.470		10.470		5.082		5.082			
2.7	Huyện Phú Riềng (80 km)	22.500		22.500		22.160		22.160			
II	**Giao thông -vận tải & Hạ tầng đô thị**	**245.600**	**104.000**	**111.900**	**29.700**	**388.100**	**104.000**	**254.400**	**29.700**		
1	Kè và hệ thống đường giao thông dọc hai bên suối Đồng Tiền - suối Tầm Vông TX Đồng Xoài	70.800	70.800			70.800	70.800			UBND TP Đồng Xoài	
2	Đường trục chính từ QL 13 vào khu công nghiệp Tân Khai II huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước	15.000			15.000	15.000			15.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
3	Đường ĐT.760 nối dài từ xã Phú Nghĩa đi xã Đa Kia, Phước Minh - huyện Bù Gia Mập	41.600		41.600		41.600		41.600		UBND huyện Bù Gia Mập	
4	Dự án Đường giao thông phục vụ dân sinh gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh khu vực biên giới huyện Lộc Ninh (NSĐP đối ứng)	25.000		25.000		25.000		25.000		UBND huyện Lộc Ninh	
5	Nâng cấp đường ĐT 755 đoạn từ thị trấn Đức Phong đi Lam Sơn huyện Bù Đăng (NSĐP đối ứng)	14.000		14.000		14.000		14.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
6	Đường trục chính khu trung tâm hành chính huyện Phú Riềng (NSĐP đối ứng)	3.000		3.000		3.000		3.000		UBND huyện Phú Riềng	
7	Đường tránh QL 13 đoạn qua thị trấn Lộc Ninh huyện Lộc Ninh	57.000	33.200	23.800		37.000	33.200	3.800		UBND huyện Lộc Ninh	
8	Dự án hạ tầng khu tái định cư Lâm viên và khu dân cư Phú Thịnh giai đoạn 2, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài (ghi thu-ghi chi)					163.500		163.500		Sở Tài Chính	
9	Đường GTNT Bom Bo-Đak Nhau	14.700			14.700	14.700			14.700	UBND huyện Bù Đăng	
10	Xây dựng đường từ TTHC huyện Đồng Phú đến KCN Bắc Đồng Phú	4.500		4.500		3.500		3.500		UBND huyện Đồng Phú	
III	**Giáo dục - Đào tạo**	**56.000**	-	-	**56.000**	**56.000**	-	-	**56.000**		
1	Dự án xây dựng ký túc xá Trường chính trị tỉnh	56.000			56.000	56.000			56.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2020				Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2020				Chủ đầu tư	Ghi chú
		Tổng cộng	Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT	Tổng cộng	Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT		
IV	**Quốc phòng - An ninh**	**25.000**	**-**	**25.000**	**-**	**25.000**	**-**	**25.000**	**-**		
1	Nhà ở chiến sỹ, nhà ăn, hội trường và hồ bơi Trung đoàn 736 tỉnh Bình Phước	25.000		25.000		25.000		25.000		Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	
	Dự án khởi công mới năm 2020	**846.600**	**119.200**	**446.100**	**281.300**	**872.200**	**122.400**	**381.600**	**368.200**		
I	**Công nghiệp**	**29.800**	**-**	**-**	**29.800**	**29.800**	**-**	**-**	**29.800**		
1	Xây dựng mương thoát nước ngoài hàng rào KCN Đồng Xoài I	15.000			15.000	15.000			15.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
2	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải KCN Chơn Thành 2	14.800			14.800	14.800			14.800	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
II	**Giao thông -vận tải & Hạ tầng đô thị**	**463.600**	**74.200**	**370.800**	**18.600**	**437.100**	**52.400**	**340.800**	**43.900**		
2	Xây dựng đường nối từ khu nhà ở xã hội Tiến Hưng đến Khu công nghiệp Đồng Xoài III, thị xã Đồng Xoài:	26.500		26.500		26.500		26.500		UBND TP Đồng Xoài	
3	Đường và cầu từ ĐT 759 đến trung tâm xã Phước Minh huyện Bù Gia Mập	13.500	13.500			13.500	13.500			UBND huyện Bù Gia Mập	
4	Xây dựng vỉa hè, cây xanh và hệ thống thoát nước thải đường Nguyễn Huệ thành phố Đồng Xoài	20.000	20.000			20.000	20.000			UBND TP Đồng Xoài	
5	Nâng cấp mở rộng ĐT 753B kết nối đường Đồng Phú - Bình Dương	105.000		105.000		85.000	10.700	74.300		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
6	Xây dựng đường Võ Văn Tần (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Tôn Đức Thắng) TP. Đồng Xoài	18.600			18.600	18.600			18.600	UBND TP Đồng Xoài	
7	xây dựng cầu Long Tân-Tân Hưng kết nối 2 huyện Phú Riềng và Hớn Quản	29.000		29.000		29.000		29.000		UBND huyện Phú Riềng	
8	Xây dựng đường giao thông phía Tây QL 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư	168.500	40.700	127.800		108.500		108.500		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước	
9	Đường kết nối các KCN phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài (NSĐP đối ứng)	48.000		48.000		48.000		48.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước	
10	Nâng cấp đường xã Đồng Tâm đi xã Thuận phú huyện Đồng Phú	34.500		34.500		34.500		14.500	20.000	UBND huyện Đồng Phú	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2020				Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2020				Chủ đầu tư	Ghi chú
		Tổng cộng	Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT	Tổng cộng	Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT		
12	Dự án nâng cấp mở rộng đường ĐT 759B đoạn trung tâm xã Thiện Hưng đi trung tâm xã Phước Thiện, huyện Bù Đốp					8.200	8.200			UBND huyện Bù Đốp	
13	Đường vào khu nhà ở xã hội, xã Tiến Hưng, thị xã Đồng Xoài					5.300			5.300	UBND thành phố Đồng Xoài	
14	Nâng cấp, thảm nhựa các tuyến đường còn lại khu dân cư phía Bắc Tỉnh lỵ					40.000		40.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
III	**Y tế**	**55.900**	-	-	**55.900**	**110.500**	**25.000**	-	**85.500**		
1	Xây dựng khu điều dưỡng và phục hồi chức năng của Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ Tỉnh ủy	5.500			5.500	5.500			5.500	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
2	Nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Đồng Phú	25.200			25.200	22.500			22.500	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
3	Nâng cấp bệnh viện huyện Chơn Thành	25.200			25.200	22.500			22.500	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
4	Nâng cấp bệnh viện đa khoa tỉnh từ 300 giường lên 600 giường bệnh (đối ứng NSTW)					20.000			20.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
5	Xây dựng và mua sắm trang thiết bị bệnh viện y học cổ truyền tỉnh (giai đoạn II)					20.000	5.000		15.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
6	Xây dựng cầu nối và sân vườn Bệnh viện Đa khoa tỉnh					20.000	20.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh	UBND tỉnh giao chi tiết vốn cho dự án khi đảm bảo thủ tục
IV	**Giáo dục - Đào tạo**	**138.000**	-	-	**138.000**	**170.000**	-	-	**170.000**		
1	Đầu tư trang thiết bị ký túc xá và 6 phòng học trường chính trị tỉnh	12.000			12.000	12.000			12.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
2	Trường mầm non thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành	20.000			20.000	20.000			20.000	UBND huyện Chơn Thành	
3	Trường MN Long Phú, huyện Phú Riềng	32.000			32.000	32.000			32.000	UBND huyện Phú Riềng	
4	Xây dựng trường nghề tại khu công nghiệp Becamex Bình Phước	39.000			39.000	39.000			39.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
5	Trường cấp II, III Long Phú, huyện Phú Riềng	35.000			35.000	35.000			35.000	UBND huyện Phú Riềng	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2020				Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2020				Chủ đầu tư	Ghi chú
		Tổng cộng	Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT	Tổng cộng	Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT		
6	Trường THPT Bù Gia Mập, huyện Bù Gia Mập tỉnh Bình Phước					12.000			12.000	UBND huyện Bù Gia Mập	
7	Dự án xây dựng khối phòng học, thư viện-trung tâm nghiên cứu khoa học trường THPT Đồng Xoài					20.000			20.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	UBND tỉnh giao chi tiết vốn cho dự án khi đảm bảo thủ tục
V	**Văn hóa - Xã hội**	**84.800**	**-**	**63.800**	**21.000**	**52.800**	**-**	**31.800**	**21.000**		
1	Trung tâm Văn hóa thể dục thể thao huyện Hớn Quản	11.000			11.000	11.000			11.000	UBND huyện Hớn Quản	
2	Trung tâm Văn hóa thể dục thể thao huyện Phú Riềng	10.000			10.000	10.000			10.000	UBND huyện Phú Riềng	
3	Trung tâm Văn hóa thể dục thể thao huyện Bù Gia Mập	22.000		22.000		-				UBND huyện Bù Gia Mập	
4	Dự án xây dựng đường vòng quanh và cải tạo lòng hồ Bàu Lách gắn với phát triển du lịch huyện Phú Riềng	30.000		30.000		20.000		20.000		UBND huyện Phú Riềng	
5	Dự án cải tạo, nâng cấp cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh	11.800		11.800		11.800		11.800		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
VI	**Khoa học - công nghệ**	**29.500**	**-**	**11.500**	**18.000**	**27.000**	**-**	**9.000**	**18.000**		
1	Trại thực nghiệm khoa học và công nghệ	18.000			18.000	18.000			18.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
2	Nhà trưng bày và phòng chức năng tại vườn sưu tập thực vật tỉnh Bình Phước	11.500		11.500		9.000		9.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
VII	**Quốc phòng - An ninh**	**45.000**	**45.000**	**-**	**-**	**45.000**	**45.000**	**-**	**-**		
1	Xây dựng phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh	30.000	30.000			30.000	30.000			Công an tỉnh	
2	Đội cảnh sát PCCC&CNCH khu vực huyện Bù Đăng	15.000	15.000			15.000	15.000			Công an tỉnh	
F	**Vốn chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2021-2025**	**20.000**		**20.000**		**34.100**			**34.100**	Chi tiết tại phụ lục 3.2	
G	**Vốn lập quy hoạch tỉnh theo quy định của Luật quy hoạch**	**13.200**	**13.200**			-				Sở KHĐT	
H	**Tất toán các công trình đã quyết toán**	**13.550**	**13.550**			**23.550**	**23.550**			Chi tiết tại phụ lục 3.3	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2020				Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2020				Chủ đầu tư	Ghi chú
		Tổng cộng	Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT	Tổng cộng	Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT		
I	Tạm mượn tiền SDĐ năm 2020 để bố trí cho các dự án sử dụng vốn thu cổ phần hóa và thoái vốn DNNN	579.000		579.000		425.000		425.000		Chi tiết tại phụ lục 3.4	
J	Bố trí lại cho các dự án hụt thu tiền SDĐ khối tỉnh năm 2019					221.200		221.200		Chi tiết tại phụ lục 3.5	

Phụ lục 3.1

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN
CHƯƠNG TRÌNH GIẢM 1.000 HỘ ĐỒNG BÀO DTTS NGHÈO NĂM 2020

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2020	Kế hoạch điều chỉnh năm 2020	Ghi chú
	Tổng cộng		**75.200**	**75.200**	
1	**Huyện Phú Riềng**	**304**	**4.576**	**4.576**	
	Hỗ trợ đất ở	3	150	150	
	Sửa nhà	11	330	330	
	Xây dựng nhà vệ sinh	40	600	600	
	Nước sinh hoạt (đào giếng)	41	615	615	
	Nước sinh hoạt (khoan giếng)	15	450	450	
	Kéo điện (điện lưới)	38	133	133	
	Kéo điện (điện mặt trời)	1	9	9	
	Chăn nuôi (Bò)	49	1.960	1.960	
	Chăn nuôi (Trâu)	2	80	80	
	Chăn nuôi (Dê)	1	10	10	
	Trồng trọt (điều)	9	9	9	
	Nông cụ (máy cắt cỏ)	48	100,8	100,8	
	Nông cụ (máy cưa)	22	57,2	57,2	
	Nông cụ (Bình xịt thuốc)	16	32	32	
	Mua xe máy	8	40	40	
2	**Huyện Đồng Phú**	**52**	**1.047,8**	**1.047,8**	
	Sửa nhà	7	210	210	
	Xây dựng nhà vệ sinh	10	150	150	
	Nước sinh hoạt (đào giếng)	3	45	45	
	Nước sinh hoạt (khoan giếng)	12	360	360	
	Kéo điện (điện lưới)	8	28	28	
	Kéo điện (điện mặt trời)	3	27	27	
	Chăn nuôi (Bò)	5	200	200	
	Chăn nuôi (gà)	1	20	20	
	Nông cụ (máy cưa)	3	7,8	7,8	
3	**Huyện Bù Đốp**	**160**	**3.538,3**	**3.538,3**	
	Hỗ trợ đất ở	1	50	50	
	Sửa nhà	11	330	330	
	Xây dựng nhà vệ sinh	19	285	285	
	Nước sinh hoạt (đào giếng)	3	45	45	
	Nước sinh hoạt (khoan giếng)	9	270	270	
	Kéo điện (điện lưới)	8	28	28	
	Kéo điện (điện mặt trời)	1	9	9	
	Chăn nuôi (Bò)	57	2.280	2.280	
	Chăn nuôi (Dê)	11	110	110	
	Chăn nuôi (gà)	7	35	35	
	Trồng trọt (điều)	3	15	15	
	Nông cụ (máy cắt cỏ)	15	31,5	31,5	
	Nông cụ (máy cưa)	3	7,8	7,8	
	Nông cụ (Bình xịt thuốc)	11	22	22	
	Mua xe máy	1	20	20	
4	**Huyện Bù Gia Mập**	**1.088**	**22.467**	**22.467**	
	Hỗ trợ đất ở	5	250	250	
	Sửa nhà	46	1.380	1.380	
	Xây dựng nhà vệ sinh	104	1.560	1.560	
	Nước sinh hoạt (đào giếng)	40	600	600	
	Nước sinh hoạt (khoan giếng)	163	4.890	4.890	
	Kéo điện (điện lưới)	102	357	357	

STT	Đơn vị	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2020	Kế hoạch điều chỉnh năm 2020	Ghi chú
	Kéo điện (điện mặt trời)	1	9	9	
	Chăn nuôi (Bò)	315	12.600	12.600	
	Chăn nuôi (Dê)	3	120	120	
	Trồng trọt (cây ngắn ngày)	1	30	30	
	Nông cụ (máy cắt cỏ)	184	386,4	386,4	
	Nông cụ (máy cưa)	1	2,6	2,6	
	Nông cụ (Bình xịt thuốc)	121	242	242	
	Mua xe máy	2	40	40	
5	**Huyện Hớn Quản**	**143**	**3.238,3**	**3.238,3**	
	Sửa nhà	10	300	300	
	Xây dựng nhà vệ sinh	42	630	630	
	Nước sinh hoạt (đào giếng)	2	30	30	
	Nước sinh hoạt (khoan giếng)	13	390	390	
	Kéo điện (điện lưới)	20	70	70	
	Chăn nuôi (Bò)	39	1.560	1.560	
	Chăn nuôi (Vịt)	1	10	10	
	Nông cụ (máy cắt cỏ)	3	6,3	6,3	
	Nông cụ (Bình xịt thuốc)	1	2	2	
	Mua xe máy	12	240	240	
6	**Huyện Bù Đăng**	**496**	**9.835,2**	**9.835,2**	
	Hỗ trợ đất ở	8	400	400	
	Sửa nhà	27	810	810	
	Xây dựng nhà vệ sinh	86	1.290	1.290	
	Nước sinh hoạt (đào giếng)	17	255	255	
	Nước sinh hoạt (khoan giếng)	91	2.730	2.730	
	Kéo điện (điện lưới)	63	220,5	220,5	
	Kéo điện (điện mặt trời)	15	135	135	
	Chăn nuôi (Bò)	92	3.680	3.680	
	Chăn nuôi (Dê)	3	30	30	
	Nông cụ (máy cắt cỏ)	67	140,7	140,7	
	Nông cụ (Bình xịt thuốc)	22	44	44	
	Mua xe máy	5	100	100	
7	**Huyện Lộc Ninh**	**452**	**11.282,2**	**11.282,2**	
	Hỗ trợ đất ở	1	50	50	
	Sửa nhà	47	1.410	1.410	
	Xây dựng nhà vệ sinh	63	945	945	
	Nước sinh hoạt (đào giếng)	33	495	495	
	Nước sinh hoạt (khoan giếng)	28	840	840	
	Kéo điện (điện lưới)	58	203	203	
	Kéo điện (điện mặt trời)	8	72	72	
	Chăn nuôi (Bò)	167	6.680	6.680	
	Chăn nuôi (Trâu)	6	240	240	
	Chăn nuôi (Dê)	5	200	200	
	Trồng trọt (cây ngắn ngày)	2	10	10	
	Nông cụ (máy cắt cỏ)	16	33,6	33,6	
	Nông cụ (máy cưa)	6	15,6	15,6	
	Nông cụ (Bình xịt thuốc)	4	8	8	
	Mua xe máy	8	80	80	
8	**Nguồn vốn chưa phân bổ**		**19.215,2**	**19.215,2**	Giao Sở LĐTB&XH chủ trì, phối hợp với Sở KHĐT tham mưu UBND tỉnh tiếp tục giao chi tiết sau khi rà soát lại hộ nghèo

Phụ lục 3.2

DANH MỤC DỰ ÁN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
	Tổng cộng		**34.100**		
I	**Công nghiệp**	**610.000**	**2.500**		
1	Xây dựng mương cống thoát nước ngoài khu công nghiệp Việt Kiều	50.000	200	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
2	Xây dựng mương cống thoát nước ngoài khu công nghiệp Tân Khai II (nối tiếp)	50.000	200	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
3	Xây dựng mương thoát nước và đường giao thông ngoài Khu công nghiệp và khu dân cư Becamex Bình Phước (giai đoạn II).	100.000	450	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
4	Xây dựng hoàn thiện hạ tầng khu công nghiệp Chơn Thành II	60.000	250	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
5	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng III mở rộng	50.000	200	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
6	Xây dựng đường từ ĐT. 741 vào khu công nghiệp Nam Đồng Phú mở rộng	50.000	200	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
7	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Nam Đồng Phú mở rộng	50.000	200	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
8	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng Sikico mở rộng	50.000	200	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
9	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng - Hàn Quốc kéo dài	50.000	200	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
10	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào Khu đô thị dịch vụ và công nghiệp Đồng Phú	50.000	200	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
11	Xây dựng nối tiếp mương thoát nước ngoài hàng rào Khu công nghiệp Đồng Xoài III (Đoạn Suối Dinh - Khu CN Đồng Xoài II)	50.000	200	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
II	**Giao thông và Hạ tầng đô thị**	**5.762.000**	**24.011**		
1	Xây dựng đường phía Tây QL13 kết nối Bàu Bàng	100.000	430	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
2	Xây dựng đường nối Đường vòng quanh Hồ Phước Hòa với khu công nghiệp Đồng Xoài I	120.000	500	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
3	Xây dựng đường nối Đồng Tiến - Tân Phú nối dài đến Tân Lập	200.000	860	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
4	Xây dựng đường kết nối ngang QL 14 với tuyến ĐT 755 nối ĐT753	100.000	430	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
5	Xây dựng đường Đồng Xoài - Tân Lập (vành đai phía Tây hồ suối Giai)	70.000	300	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
6	Xây dựng đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Nguyễn Bỉnh đến QL14 và đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Trần Phú)	250.000	940	UBND thành phố Đồng Xoài	
7	Xây dựng đường Trường Chinh kết nối QL14 với đường vành đai phía Nam	80.000	340	UBND thành phố Đồng Xoài	

STT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
8	Xây dựng đường Lý Thường Kiệt nối dài (đoạn từ đường Phú Riềng Đỏ đến đường Nguyễn Huệ - phường Tân Đồng)	30.000	120	UBND thành phố Đồng Xoài	
9	Xây dựng, láng nhựa đường từ ĐT 741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá, thị xã Phước Long	50.000	200	UBND thị xã Phước Long	
10	Xây dựng, láng nhựa đường từ ĐT 741 (gần Công ty cao su Phước Long, huyện Phú Riềng) đến đường ĐT 759 (khu vực Long Điền, Long Phước)	60.000	250	UBND thị xã Phước Long	
11	Nâng cấp, mở rộng Đường kết nối từ trung tâm Long Giang đến Long Phước	55.000	230	UBND thị xã Phước Long	
12	Xây dựng cầu bắc qua Sông Bé (nối thị xã Phước Long với huyện Bù Gia Mập)	80.000	340	UBND thị xã Phước Long	
13	Xây dựng đường từ ĐT.759 đi qua khu di tích lịch sử Cây Khế Bà Định và nhà tù Bà Rá	60.000	250	UBND thị xã Phước Long	
14	Xây dựng đường và cải tạo lòng hồ Long Thủy, thị xã Phước Long	80.000	340	UBND thị xã Phước Long	
15	Nâng cấp mở rộng đường Nguyễn Thái Học nối dài kết nối huyện Hớn Quản	130.000	550	UBND thị xã Bình Long	
16	Xây dựng đường Lê Đại Hành nối dài tiếp giáp huyện Hớn Quản	130.000	550	UBND thị xã Bình Long	
17	Xây dựng đường ĐT.752 nối dài tiếp giáp huyện Hớn Quản	70.000	300	UBND thị xã Bình Long	
18	Xây dựng đường Đoàn Thị Điểm kết nối trung tâm hành chính mới thị xã Bình Long	77.000	300	UBND thị xã Bình Long	
19	Xây dựng đường vành đai thị trấn Chơn Thành kết nối khu công nghiệp Becamex	120.000	500	UBND huyện Chơn Thành	
20	Xây dựng đường liên xã Nha Bích - Minh Thắng	80.000	342	UBND huyện Chơn Thành	
21	Xây dựng đường từ Trung tâm hành chính huyện đi xã Quang Minh kết nối khu công nghiệp Becamex	100.000	430	UBND huyện Chơn Thành	
22	Xây dựng đường Nguyễn Văn Linh nối dài (từ QL14 nối với quy hoạch dự án Becamex - Bình Phước)	60.000	250	UBND huyện Chơn Thành	
23	Xây dựng các tuyến đường ngang kết nối tuyến cao tốc Chơn Thành - Hoa Lư (phía Tây QL13)	80.000	340	UBND huyện Chơn Thành	
24	Nâng cấp, mở rộng đường trục chính vào cụm công nghiệp và khu công nghiệp công nghệ cao Nha Bích	80.000	340	UBND huyện Chơn Thành	
25	Xây dựng đường từ TTHC huyện Đồng Phú đến khu quy hoạch công nghiệp - thương mại - dịch vụ Becamex Bình Phước	372.000	1.600	UBND huyện Đồng Phú	

STT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
26	Xây dựng đường trục chính từ ĐT.741 vào khu quy hoạch công nghiệp - thương mại - dịch vụ Becamex Bình Phước	340.000	1.400	UBND huyện Đồng Phú	
27	Nâng cấp mở rộng đường đường Phú Riềng Đỏ từ TTHC huyện đi Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, huyện Đồng Phú	38.000	160	UBND huyện Đồng Phú	
28	Nâng cấp đường từ Ngã 3 Xa Cát vào Khu công nghiệp Việt Kiều, huyện Hớn Quản	270.000	1.100	UBND huyện Hớn Quản	
29	Xây dựng đường trục chính từ xã Tân Khai đi Phước An và Tân Quan, huyện Hớn Quản	180.000	750	UBND huyện Hớn Quản	
30	Xây dựng đường từ xã Tân Hưng, huyện Hớn Quản đi xã Long Tân, huyện Phú Riềng	100.000	430	UBND huyện Hớn Quản	
31	Xây dựng đường liên xã Phước An đi Tân Hưng và Tân Quan	60.000	250	UBND huyện Hớn Quản	
32	Xây dựng đường liên xã Phước Sơn đi Đồng Nai, huyện Bù Đăng (kết nối đường Vườn Chuối - Bù Lạch)	60.000	250	UBND huyện Bù Đăng	
33	Xây dựng đường liên xã Thống nhất đi xã Phước Sơn	65.000	250	UBND huyện Bù Đăng	
34	Xây dựng đường liên xã từ Bình Minh đi Minh Hưng (tuyến trong)	30.000	120	UBND huyện Bù Đăng	
35	Xây dựng đường liên xã Phước Sơn - Đoàn Kết - Đồng Nai, huyện Bù Đăng	30.000	120	UBND huyện Bù Đăng	
36	Xây dựng đường liên xã Đồng Nai đi xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng	40.000	160	UBND huyện Bù Đăng	
37	Xây dựng đường liên xã Đăk Nhau, huyện Bù Đăng tới xã Đăk Ngo, Tuy Đức	50.000	200	UBND huyện Bù Đăng	
38	Xây dựng đường Tà Thiết - Hoa Lư kết nối đường phía Tây QL13	100.000	430	UBND huyện Lộc Ninh	
39	Xây dựng đường liên xã Lộc Thiện - Lộc Thành kết nối QL13	45.000	190	UBND huyện Lộc Ninh	
40	Xây dựng đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thành kết nối QL13	60.000	250	UBND huyện Lộc Ninh	
41	Xây dựng đường liên xã Lộc Thái - Lộc Khánh kết nối QL13	30.000	120	UBND huyện Lộc Ninh	
42	Xây dựng đường liên xã Lộc Thuận - Lộc Hiệp - Lộc Quang kết nối đường ĐT756 và ĐT759B	100.000	430	UBND huyện Lộc Ninh	
43	Xây dựng đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh kết nối QL13	30.000	120	UBND huyện Lộc Ninh	
44	Nâng cấp đường 13B từ ngã ba Chiu Riu đến các dự án điện năng lượng mặt trời và nhánh rẽ X16	90.000	350	UBND huyện Lộc Ninh	

STT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
45	Xây dựng đập làm hồ nước cung cấp cho TTHC huyện và đường đấu nối tuyến đường ĐT 760 chạy qua TTHC.	90.000	350	UBND huyện Bù Gia Mập	
46	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 760 từ ngã tư ĐT 741 đến cầu Đăk Ơ xã Phú Văn (Tuyến 1) và đường liên xã Đức Hạnh - Phú Văn từ ĐT 741 đến ngã tư Quốc Tế, xã Phú Văn (Tuyến 2)	150.000	630	UBND huyện Bù Gia Mập	
47	Xây dựng các tuyến đường khu trung tâm hành chính huyện	90.000	350	UBND huyện Bù Gia Mập	
48	Xây dựng đường từ ĐT.759 đi xã Bình Thắng ra ĐT.760 nối dài.	65.000	280	UBND huyện Bù Gia Mập	
49	Xây dựng đường Hùng Vương nối dài	80.000	320	UBND huyện Bù Đốp	
50	Xây dựng đường vành đai từ đường Lê Duẩn (ĐT 759) đi xã Thiện Hưng.	70.000	300	UBND huyện Bù Đốp	
51	Xây dựng đường ĐT.759B đi đồn biên phòng 793	35.000	150	UBND huyện Bù Đốp	
52	Xây dựng đường tránh trung tâm hành chính huyện	160.000	680	UBND huyện Bù Đốp	
53	Nâng cấp, mở rộng đường từ ĐT.759B đi trung tâm thương mại huyện Bù Đốp	55.000	230	UBND huyện Bù Đốp	
54	Nâng cấp, mở rộng đường từ ĐT.759B đoạn từ đồn biên phòng 789 đi sông Măng qua cửa khẩu Hoàng Diệu	50.000	210	UBND huyện Bù Đốp	
55	Nâng cấp mở rộng đường liên huyện Phú Riềng - Bù Đăng	200.000	860	UBND huyện Phú Riềng	
56	Xây dựng đường vào Khu công nghiệp Long Tân	85.000	360	UBND huyện Phú Riềng	
57	Xây dựng kết nối đường liên huyện Phú Riềng - Cầu Long Tân - Tân Hưng (Hớn Quản).	90.000	380	UBND huyện Phú Riềng	
58	Xây dựng đường kết nối từ Bù Nho đi Phước Tân qua TTHC huyện Phú Riềng hướng về cầu Long Tân - Tân Hưng Hớn Quản	100.000	430	UBND huyện Phú Riềng	
59	Xây dựng đường kết nối 2 Khu công nghiệp Long Tân - Long Hà	40.000	170	UBND huyện Phú Riềng	
60	Xây dựng đường liên huyện Phú Riềng (xã Long Bình) - Bù Gia Mập (xã Bình Thắng).	50.000	200	UBND huyện Phú Riềng	

STT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
III	**Thủy lợi - Lâm nghiệp**	**985.000**	**4.140**		
1	Xây dựng các hồ bậc thang suối Cam (giai đoạn I: Hồ Suối Cam 3)	550.000	2.300	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
2	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển lâm nghiệp bền vững	20.000	100	Chi cục kiểm lâm	
3	Đầu tư, cải tạo hệ thống thủy lợi, khai thông ngập úng cánh đồng Sơn Long (từ khu vực hồ Đak tol phường Sơn Giang đến thôn An Lương xã Long Giang)	140.000	600	UBND thị xã Phước Long	
4	Xây dựng hệ thống kênh thủy lợi nội đồng xã An Khương, huyện Hớn Quản	30.000	120	UBND huyện Hớn Quản	
5	Xây dựng hệ thống kênh mương tưới tiêu cho cánh đồng Đăng Hà, huyện Bù Đăng	75.000	300	UBND huyện Bù Đăng	
6	Cải tạo suối chống hạn (đoạn từ chân đập nước Lộc tấn đến cầu Lâm Trường)	100.000	430	UBND huyện Lộc Ninh	
7	Xây dựng Hồ chứa nước Bình Hà 2	40.000	170	UBND huyện Bù Gia Mập	
8	Xây dựng hệ thống kênh dẫn 6 km sử dụng nước sau thủy điện cần đơn tưới cho cánh đồng Sóc Nê xã Tân Tiến huyện Bù Đốp	30.000	120	UBND huyện Bù Đốp	
IV	**Giáo dục và Đào tạo**	**530.000**	**2.174**		
1	Xây dựng Trường THPT Phú Riềng	60.000	250	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
2	xây dựng Trung tâm nghiên cứu khoa học Trường THPT chuyên Quang Trung	15.000	65	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
3	Xây dựng Khối hiệu bộ, khối bộ môn, nhà đa năng Trường THPT Tân Tiến	30.000	120	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
4	Xây dựng Khối hiệu bộ và nhà đa năng Trường THPT Lê Quý Đôn	15.000	70	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
5	Xây dựng 12 phòng học và nhà đa năng Trường THPT Lộc Hiệp	15.000	65	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
6	Xây dựng 10 phòng học và nhà đa năng Trường THPT Lương Thế Vinh	15.000	65	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
7	Xây dựng Nhà đa năng và hạ tầng Trường THPT Nguyễn Khuyến	10.000	45	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
8	Xây dựng Khối hiệu bộ và nhà đa năng Trường THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	10.000	45	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
9	Xây dựng Trường mầm non Đồng Nơ (phục vụ KCN Minh Hưng - Sikico)	30.000	120	UBND huyện Hớn Quản	
10	Xây dựng Trường mẫu giáo Sơn Ca xã Thống Nhất, huyện Bù Đăng	20.000	80	UBND huyện Bù Đăng	
11	Xây dựng Trường mẫu giáo Hoa Lan xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng	20.000	80	UBND huyện Bù Đăng	
12	Xây dựng Trường Tiểu học Võ Thị Sáu, xã Đường 10, huyện Bù Đăng	50.000	200	UBND huyện Bù Đăng	
13	Xây dựng Trường mẫu giáo Hoa Phượng xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng	20.000	80	UBND huyện Bù Đăng	
14	Xây dựng Trường mẫu giáo xã Lộc Hưng	20.000	80	UBND huyện Lộc Ninh	
15	Xây dựng Trường mẫu giáo xã Lộc Thái	20.000	80	UBND huyện Lộc Ninh	

STT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
16	Xây dựng trường mầm non Phước Thiện	30.000	120	UBND huyện Bù Đốp	
17	Xây dựng trường mầm non Hưng Phước	30.000	120	UBND huyện Bù Đốp	
18	Xây dựng Trường Tiểu học Thanh Bình B	30.000	120	UBND huyện Bù Đốp	
19	Xây dựng Trường Tiểu học Hoàng Diệu xã Phú Nghĩa	30.000	120	UBND huyện Bù Gia Mập	
20	Xây dựng Trường mầm non Tân Lập	25.000	100	UBND huyện Đồng Phú	
21	Xây dựng Trường mầm non phục vụ Khu công nghiệp Long Hà	35.000	150	UBND huyện Phú Riềng	
V	**Văn hóa xã hội**	**255.000**	**1.060**		
1	Xây dựng Nhà thi đấu đa năng tỉnh Bình Phước	150.000	620	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
2	Xây dựng Trung tâm văn hóa thể dục thể thao huyện Bù Gia Mập	40.000	170	UBND huyện Bù Gia Mập	
3	Hệ thống sản xuất chương trình phát thanh và tổng khống chế truyền dẫn	30.000	120	Đài PTTH tỉnh	
4	Hệ thống sản xuất truyền hình và lưu trữ trung tâm	35.000	150	Đài PTTH tỉnh	
VI	**An ninh - Quốc phòng**	**50.000**	**215**		
1	Xây dựng các công trình khu vực phòng thủ	50.000	215	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	

Phụ lục 3

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN NĂM 2020 THỰC HIỆN QUYẾT TOÁN CÔNG TRÌNH ĐÃ QUYẾT TOÁN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán	Kế hoạch vốn đầu năm 2020	Kế hoạch điều chỉnh giữa 2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
	Tổng cộng		**13.550**	**23.550**		
1	Hệ thống thoát nước, vỉa hè trên QL13 đoạn qua khu vực chợ Thanh Lương, tx Bình Long và đoạn từ chợ Lộc Thái đến cầu Mua, huyện Lộc Ninh, Gói 03 + Gói 02	1146/QĐ- UBND ngày 03/6/2019; 1152/QĐ- UBND ngày 03/6/2019	185	185	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
2	Cụm công trình tưới, cấp nước Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư	1153/QĐ- UBND ngày 03/6/2019	878	878	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Đã kiểm toán; Không vượt tổng mức đầu tư
3	Trại giống Thủy sản nước ngọt cấp 1 tỉnh Bình Phước	1157/QĐ- UBND ngày 03/6/2019	229	229	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Đã kiểm toán; Không vượt tổng mức đầu tư
4	Hồ chứa nước Tân Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước	1158/QĐ- UBND ngày 03/6/2019	270	270	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
5	Công trình sử dụng nước sau hồ thủy điện Cần Đơn (giai đoạn 2)	1159/QĐ- UBND ngày 03/6/2019	615	615	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Đã kiểm toán; Không vượt tổng mức đầu tư
6	Công trình sử dụng nước sau hồ thủy điện Cần Đơn (giai đoạn 1)	1160/QĐ- UBND ngày 03/6/2019	999	999	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Đã kiểm toán; Không vượt tổng mức đầu tư
7	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 759 đoạn từ xã Phước Tân, huyện Bù Gia Mập đến thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp kết hợp kè chống sạt lở cấp bách hạ lưu Thủy điện Cần Đơn, huyện Bù Đốp, Gói 1B + Gói 1A + Gói 3A + Gói 3	1232/QĐ- UBND ngày 11/6/2019; 1233/QĐ- UBND ngày 11/6/2019; 1260/QĐ- UBND ngày 17/6/2019; 1261/QĐ- UBND ngày 17/6/2019	1.328	1.328	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
8	Xây dựng các tuyến đường trong khu Lâm viên Tp. Đồng Xoài. Đường sỏi đỏ và ủi quang, san lấp mặt bằng	1276/QĐ- UBND ngày 18/6/2019	730	730	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
9	Nâng cấp đường ĐT 755 đoạn từ thị trấn Đức Phong đi Lam Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Gói 1: Km22+569 - Km29+000	1558/QĐ- UBND ngày 26/7/2019	344	344	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
10	Thiết bị thí nghiệm Lý, Hóa, Sinh cho các trường THPT toàn tỉnh	1574/QĐ- UBND ngày 29/7/2019	103	103	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
11	Hạ thống hạ tầng sân vườn, đường nội bộ và hệ thống điện, nước thuộc khu di tích lịch sử và khu du lịch sinh thái Bộ Chỉ huy Miền Tà Thiết (B2)	1575/QĐ- UBND ngày 29/7/2019	213	213	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
12	Trường Dân tộc nội trú cấp 2,3 huyện Bù Gia Mập	1576/QĐ- UBND ngày 29/7/2019	2.366	2.366	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
13	Xây dựng cầu Long Tân đi Phú Riềng, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước	1838/QĐ- UBND ngày 30/8/2019	370	370	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
14	Trường THPT Ngô Quyền, huyện Bù Gia Mập	1874/QĐ- UBND ngày 9/9/2019	213	213	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
15	Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Bình Phước (2017)	1978/QĐ- UBND ngày 23/9/2019	89	89	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Không vượt tổng mức đầu tư
16	Máy phát điện dung chung cho Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Bình Phước	2323/TTr-VP.UBND ngày 3/10/2019	516	516	Văn phòng UBND tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán	Kế hoạch vốn đầu năm 2020	Kế hoạch điều chỉnh giữa 2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
17	Đầu tư trang thiết bị phục vụ công tác đo lường và thử nghiệm cho Trung tâm Kỹ thuật Đo lường và Thử nghiệm	2114/QĐ- UBND ngày 11/10/2019	75	75	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
18	XD QL 13 vào trường cao đẳng nghề Bình Phước	81/QĐ-STC ngày 3/6/2019	3.991	3.991	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
19	XD đường vào xã Tân Hòa (phần phát sinh)	858/QĐ-UBND ngày 12/4/2017	36	36	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
20	Xây dựng vỉa hè đường Quốc lộ 14 (đoạn từ đường Phan Bội Châu đến đường Nguyễn Huệ), thành phố Đồng Xoài	781/QĐ-UBND ngày 15/4/2020		243	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	không vượt tổng mức đầu tư
21	Đài tưởng niệm thuộc Khu bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị khu di tích quốc gia đặc biệt Căn cứ Bộ Chỉ huy Quân giải phóng Miền Nam Việt Nam 1972-1975	750/QĐ-UBND ngày 13/4/2020		2.672	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	không vượt tổng mức đầu tư
22	Xây dựng hàng rào dự án khu di tích lịch sử Bộ Chỉ huy Miền Tà Thiết	738/QĐ-UBND ngày 9/4/2020		128	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	không vượt tổng mức đầu tư
23	Xử lý sạt lở, đảm bảo giao thông khẩn cấp đoạn Km16+000-Km21+369 đường Sao Bọng - Đăng Hà; gói thầu xây dựng nền đường, mặt đường bê tông xi măng và bê tông nhựa lớp 1, ký hiệu: XL01	191/QĐ-UBND ngày 22/1/2020		847	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	không vượt tổng mức đầu tư
24	Xây dựng trường Mẫu giáo Phước Tín, thị xã Phước Long	1045/QĐ-UBND ngày 14/5/2020		1.056	UBND thị xã Phước Long	không vượt tổng mức đầu tư
25	Bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2012-2015 Vườn Quốc gia Bù Gia mập hạng mục Trạm kiểm lâm ngầm 79	740/QĐ-UBND ngày 10/4/2020		152	Ban QLDA VQG Bù Gia Mập	không vượt tổng mức đầu tư
26	Xây dựng công trình bảo vệ và phát triển rừng tại Vườn Quốc gia Bù Gia mập; hạng mục nâng cấp đường tuần tra bảo vệ rừng phía đông nam Vườn Quốc gia Bù Gia Mập (đường bê tông)	741/QĐ-UBND ngày 10/4/2020		18	Ban QLDA VQG Bù Gia Mập	không vượt tổng mức đầu tư
27	Di dời và ổn định dân di cư tự do trong lâm phần BQL rừng phòng hộ Đăk Mai, xã Đăk Ơ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; hạng mục: Cấp nước sinh hoạt	2836/QĐ-UBND ngày 30/12/2019		153	UBND huyện Bù Gia Mập	không vượt tổng mức đầu tư
28	Di dời và ổn định dân di cư tự do trong lâm phần BQL rừng phòng hộ Đăk Mai, xã Đăk Ơ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; hạng mục: Cấp điện	2837/QĐ-UBND ngày 30/12/2019		175	UBND huyện Bù Gia Mập	không vượt tổng mức đầu tư
29	Nhà khách và nhà ở công vụ cho cán bộ chiến sỹ Công an tỉnh	694/QĐ-UBND ngày 6/4/2020		361	Công an tỉnh	Đã được kiểm toán và không vượt tổng mức đầu tư
30	Bệnh viện y học cổ truyền tỉnh Bình phước	694/QĐ-UBND ngày 6/4/2020		1.086	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	không vượt tổng mức đầu tư
31	Trung tâm y tế huyện Hớn Quản	1502/QĐ-UBND ngày 06/7/2020		1.176	UBND huyện Hớn Quản	không vượt tổng mức đầu tư
32	GPMB xây dựng đường số 1 và số 4 KCN Chơn thành tại ấp 2, xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước	156/QĐ-STC ngày 26/12/2016 Sở Tài chính		42	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	không vượt tổng mức đầu tư
33	Cổng vào khu di tích lịch sử Căn cứ Bộ chỉ huy quân giải phóng Miền nam - Việt nam (phần vốn ngân sách Nhà nước)	166/QĐ-STC ngày 31/12/2019 Sở Tài chính		110	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	không vượt tổng mức đầu tư

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán	Kế hoạch vốn đầu năm 2020	Kế hoạch điều chỉnh giữa 2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
34	Xây dựng bãi đậu xe, sân vườn và đườngnội bộ khu di tích lịch sử Căn cứ Bộ chỉ huy miền Tài Thiết	754/QĐ-UBND ngày 13/4/2020		200	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	không vượt tổng mức đầu tư
35	Nhà truyền thống khu di tích lịch sử Căn cứ Bộ chỉ huy miền Tài Thiết	752/QĐ-UBND ngày 13/4/2020		50	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	không vượt tổng mức đầu tư
36	Nhà tưởng niệm thuộc khu di tích lịch sử Căn cứ Bộ chỉ huy quân giải phóng Miền nam - Việt nam- Tà thiết (phần vốn ngân sách Nhà nước)	751/QĐ-UBND ngày 13/4/2020		777	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	không vượt tổng mức đầu tư
37	Nhà đón tiếp khu di tích lịch sử Căn cứ Bộ chỉ huy quân giải phóng Miền nam - Việt nam (phần vốn ngân sách Nhà nước)	753/QĐ-UBND ngày 13/4/2020		755	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	không vượt tổng mức đầu tư

Phụ lục II

CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN THU CỔ PHẦN HÓA VÀ THOÁI VỐN DOANH NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn đầu năm 2020	Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2020	Chủ đầu tư
	Tổng số	**579.000**	**425.000**	
I	**Giao thông -vận tải & Hạ tầng đô thị**	**531.000**	**377.000**	
1	Đường Đồng Tiến - Tân Phú, huyện Đồng Phú	140.000	70.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
2	Nâng cấp ĐT 741 đoạn từ cầu Thác Mẹ đến QL14C	80.000	60.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
3	Nâng cấp mở rộng đường ĐT 759B đoạn từ xã Phước Thiện đi cửa khẩu Hoàng Diệu	100.000	100.000	UBND huyện Bù Đốp
4	Nâng cấp mở rộng đường Minh Hưng - Minh Thạnh, huyện Chơn Thành	54.000	54.000	UBND huyện Chơn Thành
5	Các tuyến đường trục xuyên tâm để hình thành các phường huyện Chơn Thành	107.000	83.000	UBND huyện Chơn Thành
6	Xây dựng đường giao thông phía Tây QL 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư	50.000	10.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
II	**Giáo dục - Đào tạo**	**48.000**	**48.000**	
1	Đầu tư trang thiết bị ký túc xá và 6 phòng học trường chính trị tỉnh	48.000	48.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh

Phụ lục 3.5

DANH MỤC DỰ ÁN NĂM 2019 ĐƯỢC BỐ TRÍ LẠI NĂM 2020 DO HỤT THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT KHỐI TỈNH NĂM 2019

(Kèm theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	KH vốn đã cắt, giản năm 2019	KH vốn dự kiến bố trí lại	Chủ đầu tư
	TỔNG CỘNG	**445.000**	**221.200**	
A	**Vốn huyện, thị, thành phố quản lý**	**180.000**	**80.000**	
1	Hỗ trợ thành phố Đồng Xoài GPMB dự án xây dựng kè và nạo vét hồ Suối Cam	130.000	30.000	UBND TP Đồng Xoài
2	Hỗ trợ thành phố Đồng Xoài đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông nội ô	50.000	50.000	UBND TP Đồng Xoài
B	**Vốn tỉnh quản lý**	**269.000**	**141.200**	
I	**Công nghiệp và hạ tầng các khu công nghiệp**	**53.725**	**39.275**	
1	Các tuyến đường số 2, 3, 4, 5 và 7 KCN Đồng Xoài I	29.279	29.275	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
2	Mương thoát nước ngoài hàng rào Khu CN Đồng Xoài III	4.000	4.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
3	Hệ thống thoát nước ngoài hàng rào KCN Becamex Bình Phước	12.880	6.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
4	Tiểu dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Bình Phước, giai đoạn 2018-2020 - Vốn ODA do EU tài trợ (đối ứng NS tỉnh)	7.566		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
III	**Giao thông - vận tải & Hạ tầng đô thị**	**178.475**	**101.925**	
1	Nâng cấp đường giao thông vào nhà máy xi măng Minh Tâm, huyện Hớn Quản	6.000		UBND huyện Hớn Quản
2	Dự án nâng cấp, mở rộng đường ĐT 752 (đoạn thị xã Bình Long đi trường chuyên Bình Long	36.300	20.000	UBND TX Bình Long
3	Đường số 7 (đoạn còn lại) và một tuyến khác thuộc khu dân cư Bắc tỉnh lỵ, phường Tân Phú, thị xã Đồng Xoài	6.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
4	Đường trục chính từ QL 13 vào khu công nghiệp Tân Khai II huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước	15.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
5	Cầu bắc qua Sông Bé trên ĐT 760 nối dài	3.450	3.450	UBND huyện Bù Gia Mập
6	Nâng cấp đường Lộc Tấn -Bù Đốp (ĐT 759B) đoạn từ Km 8+000 đến Km 10+500 huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	3.750		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
7	Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa	1.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
8	Dự án đường kết nối các khu công nghiệp phía tây nam TX Đồng Xoài	2.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
9	Dự án đường Đồng Tiến-Tân Phú huyện Đồng Phú	1.500		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh

STT	Danh mục dự án	KH vốn đã cắt, giản năm 2019	KH vốn dự kiến bố trí lại	Chủ đầu tư
10	Đường từ Bù Nho đi Phước Tân, huyện Phú Riềng	39.800	39.800	UBND huyện Phú Riềng
11	Đường tránh QL 13 đoạn qua thị trấn Lộc Ninh huyện Lộc Ninh	4.000	4.000	UBND huyện Lộc Ninh
12	Nâng cấp láng nhựa tuyến đường từ trung tâm xã đi 03 ấp Phước Tiến, Nam Đô đến Ngã ba ấp Sắc Xi, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú	11.500	11.500	UBND huyện Đồng Phú
13	Đường GTNT Bom Bo-Đak Nhau	3.250	3.250	UBND huyện Bù Đăng
14	Kè và hệ thống đường giao thông dọc hai bên suối Đồng Tiền - suối Tầm Vông TX Đồng Xoài	25.000		UBND Thành phố Đồng Xoài
15	Đường ĐT.760 nối dài từ xã Phú Nghĩa đi xã Đa kia- Phước Minh, huyện Bù Gia Mập	19.925	19.925	UBND huyện Bù Gia Mập
IV	**Văn hóa - xã hội**	**36.800**	**0**	
1	Dự án xây dựng kè và nạo vét hồ Suối Cam	28.800		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
2	Xây dựng đường giao thông và công viên Khu di tích lịch sử Căn cứ Bộ Chỉ huy miền Tà Thiết	2.200		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
3	Xây dựng hàng rào hai bên đường từ ngã ba Đồng Tâm đến cây xăng Ngọc Ánh	5.800		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh